TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 5 - 2022
V/v chị Tr xin ly hôn anh H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022. Về vụ án tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Đội 4, xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Anh Trần Xuân H - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Đội 4, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên tòa vắng mặt chị Tr và anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 14/3/2022 cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị Tr trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Xuân H vào tháng 12/2009, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm

trọng. Đến tháng 12/2018 đến nay chị và anh H sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị xin được ly hôn anh Trần Xuân H. Về con chung giữa chị anh H có hai con chung là cháu Trần Việt A sinh ngày 16/9/2010 và cháu Trần Việt Tr sinh ngày 06/5/2014. Hiện cháu Trần Việt A và cháu Trần Việt Tr đang do anh H nuôi dưỡng. Khi làm đơn xin ly hôn thì chị đề nghị giải quyết để anh H nuôi dưỡng hai con chung và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, một con là 1.000.000 đồng, nay chị thay đổi yêu cầu và chị đề nghị giải quyết để anh H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh H. Về tài sản chung giữa chị và anh Trần Xuân H thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc chị không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa anh Trần Xuân H vắng mặt nhưng anh H có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Nguyễn Thị Tr về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị Tr. Sau khi kết hôn, anh và chị Tr chung sống hòa thuận được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018 đến nay anh và chị Tr sống ly thân nhau. Nay chị Tr xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì các con chưa trưởng thành. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Tr có hai con chung là cháu Trần Việt A sinh ngày 16/9/2010 và cháu Trần Việt Tr sinh ngày 06/5/2014, hiện các cháu đang do anh nuôi dưỡng. Nay anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Việt A và cháu Trần Việt Tr và anh không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Tr thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc bận anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Xuân H. Về con chung: Giao cháu Trần Việt A sinh ngày 16/9/2010 và cháu Trần Việt Tr sinh ngày 06/5/2014 cho anh Trần Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Trần Xuân H. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị Tr phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Xuân H đều cư trú tại xã Nghĩa T, huyện N, tỉnh N, nay chị Tr xin ly hôn anh H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên toà chị Nguyễn thị Tr và anh Trần Xuân H vắng mặt nhưng chị Tr và anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Xuân H được tổ chức kết hôn vào tháng 12/2009, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa T là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị Tr và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh H không được cải thiện. Từ tháng 12/2018 đến nay chị Tr và anh H đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn giữa chị Tr và anh H đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Tr xin được ly hôn anh Trần Xuân H nên chấp nhận là phù hợp. Phía anh H không nhất trí ly hôn vì các con chưa trưởng thành thấy không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Xuân H có hai con chung là cháu Trần Việt A sinh ngày 16/9/2010 và cháu Trần Việt Tr sinh ngày 06/5/2014. Hiện cháu Trần Việt A và cháu Trần Việt Tr đang do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị Tr đề nghị giải quyết để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Việt A và cháu Trần Việt Tr và chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh H, thấy phù hợp với nguyện vong của các cháu và phù hợp với đề nghị của anh H nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Xuân H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Tr phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Xuân H.

2- Về con chung: Giao cháu Trần Việt A sinh ngày 16/9/2010 và cháu Trần Việt Tr sinh ngày 06/5/2014 cho anh Trần Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Trần Việt A và cháu Trần Việt Tr đang do anh Trần Xuân H chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị Nguyễn Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Xuân H đối với cháu Trần Việt A và cháu Trần Việt Tr. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Tr đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000670 ngày 15/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Tr, anh H. Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.